

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn, giải
quyết về con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Bà Trần Thị Tuyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc *Tranh chấp xin ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Từ Thị H.

Địa chỉ HKTT: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Thôn N1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn K.

Địa chỉ HKTT: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Thôn N1, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Từ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện N3, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/1996. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng hòa thuận, nhưng khoảng từ năm 2018 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do anh K không chịu khó làm ăn, anh K, chị H bất đồng ý kiến không thể tìm được tiếng nói chung, anh K trong lúc nóng giận có hành vi bạo lực đối với chị H. Thực tế chị H và anh K đã ly thân khoảng 03 tháng, nay chị H thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm

vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị H kiên quyết xin được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh K có 03 người con gồm Lê Văn A, sinh ngày 22/12/1997 và Lê Thị D, sinh ngày 19/4/2001, đều đã đủ 18 tuổi nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với con Lê Bá H1, sinh ngày 06/7/2010, chị H yêu cầu giao cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn K quá trình giải quyết vụ án đã trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện N3, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/1996. Trong thời gian chung sống vợ chồng hòa thuận, nhưng thời gian từ khoảng tháng 8/2019 cho đến nay thì chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên thường hay xảy ra cãi vã. Thực tế thì do lúc nóng giận tôi không kiềm chế được bản thân nên cũng có tát vợ. Nay tôi thấy mâu thuẫn của hai vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên tôi cần thời gian suy nghĩ lại rồi mới quyết định nên tôi đề nghị Tòa án xem xét.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 người con gồm Lê Văn A, sinh ngày 22/12/1997 và Lê Thị D, sinh ngày 19/4/2001, đều đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với con Lê Bá H1, sinh ngày 06/7/2010, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Lê Bá H1 đến khi con đủ 18 tuổi thì tôi đồng ý, không có ý kiến gì.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu tôi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thể hòa giải đoàn tụ cho chị H và anh K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy giữa chị H và anh K có mâu thuẫn trong quá

trình chung sống là có thật, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải để đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và cháu H1 cũng mong muốn được ở với chị H, anh K cũng đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận giao con chung là cháu Lê Bá H1, sinh ngày 06/7/2010 cho chị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Đối với 02 con chung là Lê Văn A, sinh ngày 22/12/1997 và Lê Thị D, sinh ngày 19/4/2001, đều đã đủ 18 tuổi chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về yêu cầu xin ly hôn: Anh K, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N2, huyện N3, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/1996, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, nơi cư trú và được cung cấp thông tin: Trong thời gian chung sống giữa chị H và anh K có mâu thuẫn tình cảm, đại diện của Hội liên hiệp phụ nữ xã C đã kết hợp ban thôn, Chi hội phụ nữ thôn tiến hành động viên, thuyết phục nhưng chị H, anh K không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án anh K cũng thừa nhận từ khoảng tháng 8/2019 cho đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung nên thường hay xảy ra cãi nhau, trong lúc nóng giận, không kiềm chế được bản thân đã có hành vi tát chị H. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng, thực tế chị H và anh K đã không chung sống khoảng 03 tháng, chị H kiên quyết xin ly hôn với anh K. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời kỳ hôn nhân giữa chị H và anh K đã xảy ra mâu thuẫn là có thật và làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh K là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là cháu Lê Bá H1, sinh ngày 06/7/2010 đến khi con đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cháu H1 có ý kiến mong muốn được ở với chị H, anh K cũng đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận giao con chung là cháu Lê Bá H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với hai con chung Lê Văn A, sinh ngày 22/12/1997 và Lê Thị D, sinh ngày 19/4/2001, đều đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lê Văn K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Từ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Từ Thị H được ly hôn với anh Lê Văn K.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bá H1, sinh ngày 06/7/2010 cho chị Từ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Từ Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con chung.

- Đối với hai con chung Lê Văn A, sinh ngày 22/12/1997 và Lê Thị D, sinh ngày 19/4/2001, đều đã đủ 18 tuổi, chị Từ Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Từ Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Từ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0018609 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã N2, huyện N3, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân